



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001030470	Hoàng Bá Nam	Anh	24/09/2004	QT10B	01	72	Một	01	Anh	le
2	000002	1101031146	Trịnh Hương	An	08/04/2005	QT11A	01	73	4,5	01	An	Chấn
3	000003	1101031429	Lê Hải	Anh	17/08/2005	QT11A	01	74	8,0	01	Anh	le
4	000004	1101030469	Lê Quang	Anh	23/10/2005	QT11A	01	75	8,5	01	Quang	chấn
5	000005	1101030483	Phạm Thị Nguyệt	Anh	13/02/2005	QT11A	01	76	2,3	01	Anh	le
6	000006	1101030495	Ngô Thị Nguyệt	Ánh	05/11/2005	QT11A	01	77	7,5	01	Anh	chấn
7	000007	1101030500	Nguyễn Đức Tùng	Bách	02/12/2005	QT11A	01	78	5,5	01	Bách	le
8	000008	1101031438	Lê Thanh	Bình	06/08/2005	QT11A	01	79	6,5	01	Bình	chấn
9	000009	1101031168	Nguyễn Thắng	Đông	23/08/2005	QT11A	01	80	8,0	01	Thắng	le
10	000010	1101030519	Nguyễn Anh	Dũng	20/12/2005	QT11A	01	81	5,0	01	Anh	chấn
11	000011	1101030525	Đào Quang	Duy	19/02/2005	QT11A	01	82	3,0	01	Duy	le
12	000012	1101030530	Đoàn Thị Mỹ	Duyên	24/03/2005	QT11A	01	83	6,5	01	Duyên	chấn
13	000013	1101031412	Nguyễn Nam	Giang	04/03/2005	QT11A	01	84	8,0	01	Giang	le
14	000014	1101030538	Đặng Hoàng	Hải	09/05/2005	QT11A	01	85	6,8	01	Hải	chấn
15	000015	1101031359	Lê Thị Diễm	Hàng	17/11/2005	QT11A	01	86	7,5	01	Hàng	le
16	000016	1101030543	Nguyễn Thị	Hào	24/03/2005	QT11A	01	87	4,5	01	Hào	chấn
17	000017	1101030548	Nguyễn Tuấn	Hiệp	15/11/2005	QT11A	01	88	8,0	01	Hiệp	le
18	000018	1101030437	Lê Kim	Huệ	06/09/2005	QT11A	01	89	5,5	01	Huệ	chấn
19	000019	1101030559	Phạm Thị	Huệ	12/10/2005	QT11A	01	90	4,5	01	Hiệ	le
20	000020	1101030561	Phùng Tuấn	Hùng	13/09/2005	QT11A	01	91	8,5	01	Hùng	chấn
21	000021	1101031731	Đỗ Thu	Hương	07/08/2005	QT11A	01	92	5,0	01	Hương	le
22	000022	1101031196	Khổng Thị Lan	Hương	09/04/2005	QT11A	01	93	4,5	01	Khổng	chấn
23	000023	1101030829	Lương Gia	Huy	24/09/2005	QT11A	01	94	8,0	01	Lương	le
24	000024	1101031198	Đỗ Chu Khánh	Huyền	15/01/2005	QT11A	01	95	3,5	01	Huyền	chấn
25	000025	1101030399	Nguyễn Thị	Huyền	28/06/2005	QT11A	01	96	7,5	01	Thị	le
26	000026	1101030580	Nguyễn Quốc	Khánh	01/09/2005	QT11A	01	97	8,0	01	Khánh	chấn
27	000027	1101030581	Đỗ Trung	Kiên	28/04/2005	QT11A	01	98	6,5	01	Kiên	le
28	000028	1101030588	Phan Thị	Liêu	31/12/2004	QT11A	01	99	8,0	01	Liêu	chấn
29	000029	1101030603	Nguyễn Thùy	Linh	23/03/2005	QT11A	01	100	7,5	01	Linh	le
30	000030	1101031371	Phạm Thị Hồng	Lĩnh	11/12/2005	QT11A	01	101	2,5	01	Lĩnh	chấn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
31	000031	1101030608	Đào Văn	Lộc	19/11/2005	QT11A	01	102	3,0	01	Lộc	L'?
32	000032	1101030616	Trần Thị Hương	Ly	26/01/2005	QT11A	01	103	5,5	01	ly	chấn
33	000033	1101031215	Đình Thế	Minh	04/12/2005	QT11A	01	104	6,0	01	Thao	le'
34	000034	1101030627	Phạm Hồng	Minh	04/12/2005	QT11A	01	105	8,5	01	minh	chấn
35	000035	1101030628	Trịnh Công	Minh	09/11/2005	QT11A	01	106	4,0	01		L'?

Tổng số sinh viên dự thi: 35.....

Tổng số tờ giấy thi: 35.....

Tổng số biên bản: 01.....

Ngày 22 tháng 06 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1      Cán bộ coi thi 2

Phạm Thị Hậu      Tô Xuân Hải



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000036	1101030638	Nguyễn Thúy	Nga	14/07/2005	QT11A	01	37	3,0	01	Nguyen	Chấn
2	000037	1101030643	Nguyễn Thị Bích	Ngân	25/09/2005	QT11A	01	38	9,0	01	Nguyen	lê
3	000038	1101031732	Nguyễn Thanh	Ngoan	01/04/2005	QT11A	01	39	8,5	01	Nguyen	chấn
4	000039	1101030660	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	08/05/2005	QT11A	01	40	8,5	01	Nguyen	lê
5	000040	1101030665	Nguyễn Đình	Phi	08/09/2005	QT11A	01	41	4,8	01	Phi	chấn
6	000041	1101031222	Bùi Thu	Phuong	23/09/2005	QT11A	01	42	6,0	01	Phuong	lê
7	000042	1101030681	Vũ Nguyễn Đình	Quang	15/04/2005	QT11A	01	43	7,5	01	Quang	chấn
8	000043	1101031420	Lê Thị Diễm	Quỳnh	26/08/2005	QT11A	01	44	5,5	01	Quynh	lê
9	000044	1101031366	Lưu Danh	Thái	14/02/2005	QT11A	01	45	4,0	01	Thai	chấn
10	000045	1101031229	Nguyễn Thị	Thảo	05/05/2005	QT11A	01	46	8,0	01	Thao	lê
11	000046	1101030420	Vũ Minh	Thu	02/11/2005	QT11A	01	47	7,5	01	Thu	chấn
12	000047	1101030731	Phạm Xuân	Trung	26/08/2005	QT11A	01	48	8,5	01	Trung	lê
13	000048	1101031252	Nguyễn Thị Hà	Uyên	08/11/2005	QT11A	01	49	8,5	01	Uyen	chấn
14	000049	1101030743	Nguyễn Thị Hồng	Vân	13/08/2005	QT11A	01	50	7,8	01	Van	lê
15	000050	1101030752	Nguyễn Ý	Vy	02/10/2005	QT11A	01	51	4,0	01	Vy	chấn
16	000051	1101030466	Bùi Thị Ngọc	Anh	30/11/2005	QT11B	02	52	8,5	01	ANH	lê
17	000052	1101031456	Chu Phuong	Anh	28/01/2003	QT11B	02	53	5,0	01	anh	chấn
18	000053	1101030489	Trần Hoàng	Anh	05/08/2001	QT11B	02	54	5,5	01	Anh	lê
19	000054	1101030491	Vũ Duy	Anh	07/02/2003	QT11B	02	55	9,0	01	Anh	chấn
20	000055	1101030496	Nguyễn Ngọc	Ánh	24/12/2005	QT11B	02	56	5,0	01	Anh	lê
21	000056	1101030502	Phạm Ngọc	Biên	30/03/2005	QT11B	02	57	9,0	02	Bien	chấn
<del>22</del>	<del>000057</del>	<del>1101031161</del>	<del>Khuất Duy</del>	<del>Cường</del>	<del>01/01/2005</del>	<del>QT11B</del>	<del>02</del>					HP,ĐK
23	000058	1101031165	Lê Thành	Đạt	26/02/2004	QT11B	02	58	8,5	01	Đạt	chấn
24	000059	1101030526	Nguyễn Đức	Duy	09/07/2005	QT11B	02	59	6,5	01	Duy	lê
25	000060	1101030529	Trần Văn	Duy	23/10/2003	QT11B	02	60	7,0	01	Duy	chấn
26	000061	1101030805	Nguyễn Ngọc	Giang	30/09/2005	QT11B	02	61	8,5	02	Giang	lê
27	000062	1101030947	Giang Thị	Hà	25/12/2005	QT11B	02	62	9,0	01	HÀ	chấn
28	000063	1101030539	Nguyễn Duy	Hải	02/09/2005	QT11B	02	63	5,0	01	Hai	lê
29	000064	1101030542	Nguyễn Thị Thu	Hằng	14/02/2005	QT11B	02	64	8,5	01	Hang	chấn
30	000065	1101031189	Đoàn Trung	Hiếu	02/12/2005	QT11B	02	65	5,0	01	Hieu	lê
31	000066	1101030558	Phạm Minh	Huệ	10/04/2005	QT11B	02	66	5,0	01	Hue	chấn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
32	000067	1101030560	Mẫn Đức Mạnh	Hùng	01/08/2005	QT11B	02	67	5,0	1	Hùng	Ok
33	000068	1001031233	Nguyễn Văn	Hùng	19/10/2004	QT11B	02	68	6,5	1	Hùng	Chấn
34	000069	1101030563	Hoàng Tuấn	Hung	28/08/2005	QT11B	02	69	4,0	1	Hung	lê
35	000070	1101030564	Lê Mai	Hương	11/08/2005	QT11B	02	70	9,5	2	mai	chấn
36	000071	1101031360	Phạm Tuấn	Huy	03/07/2002	QT11B	02	71	4,5	1	tuấn	lê

Tổng số sinh viên dự thi:.....35

Tổng số tờ giấy thi:.....38

Tổng số biên bản:.....0

Ngày 22 tháng 6 Năm 2016

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2




Nguyễn Phương Hằng, Đỗ Thị Khai



1 - 36

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ

Mã đề

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000072	1101030441	Lưu Thị Thu	Huyền	26/11/2005	QT11B	02	1	7,5	1	Huyền	chấn
2	000073	1101030131	Đỗ Thị	Khuyên	28/06/2005	QT11B	02	2	7,5	1	Khuyên	lê
3	000074	1101031385	Hoàng Thị Mai	Lan	17/11/2005	QT11B	02	3	9,5	1	Lan	chấn
4	000075	1001031250	Nguyễn Thị	Lan	20/07/2004	QT11B	02	4	6,5	1	Thị	lê
5	000076	1101030589	Bùi Lê Phương	Linh	23/09/2004	QT11B	02	5	9,5	1	Linh	chấn
6	000077	1101030598	Nguyễn Khánh	Linh	03/08/2005	QT11B	02	6	5,5	1	Khánh	lê
7	000078	1101030599	Nguyễn Khánh	Linh	13/12/2005	QT11B	02	7	5,0	1	Khánh	chấn
8	000079	1101030606	Vũ Phương	Linh	31/12/2005	QT11B	02	8	9,5		Linh	lê
9	000080	1101030609	Ngô Gia	Lợi	23/10/2005	QT11B	02	9	5,0	1	Lợi	chấn
10	000081	1101030614	Phạm Khánh	Ly	16/10/2005	QT11B	02	10	6,0	1	Ly	lê
11	000082	1101030617	Vũ Khánh	Ly	06/12/2005	QT11B	02	11	7,0	1	Ly	chấn
12	000083	1101030620	Đỗ Ngọc	Mai	06/06/2005	QT11B	02	12	6,5	1	Ngọc	lê
13	000084	1101030626	Hồ Văn Nhật	Minh	29/03/2005	QT11B	02	13	7,5	1	Minh	chấn
14	000085	1101031365	Thạch Thị Ngọc	Minh	27/03/2004	QT11B	02	14	5,3	1	Thạch	lê
15	000086	1101030629	Lương Thị	Mùng	18/01/2004	QT11B	02	15	6,0	1	Mùng	chấn
16	000087	1101030642	Nguyễn Kim	Ngân	03/08/2005	QT11B	02	16	9,5	1	Ngân	lê
17	000088	1101030651	Giáp Thị Thảo	Nguyên	16/07/2005	QT11B	02	17	5,0	1	Thảo	chấn
18	000089	1101030872	Lê Thu Ánh	Nguyệt	19/08/2005	QT11B	02	18	9,0	1	Nguyệt	lê
19	000090	1101031219	Đỗ Thị Quỳnh	Như	17/02/2005	QT11B	02	19	3,5	1	Như	chấn
20	000091	1101030666	Nguyễn Xuân	Phong	18/04/2005	QT11B	02	20	8,5	1	Phong	lê
21	000092	1101031224	Kiều Anh	Quân	04/08/2005	QT11B	02	21	9,0	1	Anh	chấn
22	000093	1101030886	Phùng Minh	Quân	19/08/2005	QT11B	02	22	5,5	1	Minh	lê
23	000094	1101030684	Trương Như	Quỳnh	02/07/2005	QT11B	02	23	6,0	1	Như	chấn
24	000095	1101030701	Ngô Thanh	Thảo	07/12/2005	QT11B	02	24	9,0	1	Thảo	lê
25	000096	1101030709	Trần Hoài	Thương	04/11/2005	QT11B	02	25	9,0	1	Thương	lê
26	000097	1101031421	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	06/03/2005	QT11B	02	26	6,8	1	Tiên	lê
27	000098	1101031389	Đỗ Thị Huyền	Trang	06/12/2005	QT11B	02	27	6,0	1	Trang	chấn
28	000099	1101030721	Hoàng Thị Quỳnh	Trang	18/06/2005	QT11B	02	28	8,0	1	Trang	lê
29	000100	1101030728	Nguyễn Kiều	Trinh	03/10/2005	QT11B	02	29	6,5	1	Trinh	chấn
30	000101	1101030739	Nguyễn Thị Hải	Uyên	12/05/2005	QT11B	02	30	8,8	1	Hải	lê
31	000102	1101030741	Thắm Thị Tố	Uyên	30/09/2005	QT11B	02	31	7,5	1	Thắm	chấn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
32	000103	1101031254	Vũ Hồng	Vân	10/11/2005	QT11B	02	32	7,3	1	Vân	lẻ
33	000104	1101030750	Ngô Đăng	Vũ	07/08/2005	QT11B	02	33	6,0	1	Vũ	chẵn
34	000105	1101031255	Nguyễn Hà	Vy	16/05/2005	QT11B	02	34	6,5	1	Vy	lẻ
35	000106	1101030755	Chữ Thị	Yến	11/06/2005	QT11B	02	35	7,5	1	Yến	chẵn
36	000107	1101031368	Nguyễn Bảo	Yến	09/10/2005	QT11B	02	36	8,0	1	Yến	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 36.....

Ngày 22 tháng 06 Năm 2026

Tổng số tờ giấy thi: 36.....

Cán bộ coi thi 1      Cán bộ coi thi 2

Tổng số biên bản: 9.....

  
Đặng Thị Noun

  
Đỗ Thị Tuyết